

Bản án số: 258/2026/KDTM-PT

Ngày: 16/7/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quốc Thịnh

Các Thẩm phán:

1. Bà Hoàng Thị Bích Thảo

2. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thụy Vân Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/7/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2026/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2025/KDTM-ST ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3607/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9837/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Phường Ông Lữ Trọng T, sinh năm 1999 và ông Hồ Viết C, sinh năm 2000; địa chỉ: Tầng 1, số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo Văn bản ủy quyền ngày số 1169/2026/UQN-TP ngày 27/6/2026).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn I

Địa chỉ: Số 19B C, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Cẩm H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 243A V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 9 năm 2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.2. Bà Hồng Mỹ H2, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố P, (nay là phường P), tỉnh Gia Lai.

3.3. Ông Huỳnh Tự L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 125/2B H, khu phố 5, Phường 13, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Phan Thị Cẩm H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 243A V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

2/ Ông Nguyễn QT, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 221/41/1G đường X, phường X1, quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X1, Thành phố Hồ Chí Minh).

(theo Giấy ủy quyền công chứng số 003101, quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28 tháng 02 năm 2024 lập tại Văn phòng công chứng M).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Tại phiên tòa: Ông T, ông C có mặt; bà H1, ông QT vắng mặt; ông C, bà H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện:*

**- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V có ông Chu Hồng D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn I (sau đây gọi tắt là Công ty I) ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022, hạn mức cho vay là: 1.500.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động bán buôn gạo.

Nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 ký ngày 24 tháng 02 năm 2022 theo các khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số: 061222-7755259-ONL-4 ngày 06 tháng 12 năm 2022, số tiền cho vay: 200.000.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số: 061222-7755259-ONL-5 ngày 07 tháng 12 năm 2022, số tiền cho vay là 400.000.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số: 071222-7755259-ONL-6 ngày 08 tháng 12 năm 2022, số tiền cho vay là 400.000.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ số: 071222-7755259-ONL-7 ngày 09 tháng 12 năm 2022, số tiền cho vay là 399.990.000 đồng.

Tại 4 khế ước nhận nợ nói trên nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận: Thời hạn cho vay là 05 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 23,70%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của nguyên đơn theo từng thời kỳ.

Về biện pháp bảo đảm: Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của Ông Nguyễn C theo hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL01 ngày 24 tháng 02 năm 2022; Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của Bà Hồng Mỹ H2 theo hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL02 ngày 24 tháng 02 năm 2022; Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của Ông Huỳnh Tự L theo hợp đồng bảo lãnh số HDBL – 01 ngày 10 tháng 5 năm 2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023. Tuy nhiên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Khoản nợ Công ty I chuyển quá hạn ngày 11 tháng 9 năm 2023 và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022, các khế ước nhận nợ đã ký kết. Trong đó lãi trong hạn theo các khế ước nhận nợ là 23,7%/năm, lãi suất thay đổi 1 tháng/lần; lãi suất trong hạn đang áp dụng là 21,3%/năm; lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại mục 2.3 khoản 2 Điều 2 của hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại mục 2.4 khoản 2 Điều 2 của hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 là 10%/năm.

Tính đến ngày 11/11/2025, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền sau: Nợ gốc: 833 đồng; Nợ lãi: 76.497.061 đồng; Tổng cộng: 76.497.894 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 11 tháng 11 năm 2025 là 2.404.919.526 đồng, bao gồm nợ gốc 1.399.989.167 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.218.985 đồng; nợ lãi quá hạn: 971.797.771 đồng; nợ lãi chậm trả: 5.913.603 đồng.

- Kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2025, bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với nguyên đơn cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

- Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Ông Nguyễn C trả toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL01 ngày 24 tháng 02 năm 2022, Bà Hồng Mỹ H2 trả toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL02 ngày 24 tháng 02 năm 2022, Ông Huỳnh Tự L trả toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh số HDBL – 01 ngày 10 tháng 5 năm 2023.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn C và Bà Hồng Mỹ H2 có bà Nguyễn Thị Kim H3 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, Ông Nguyễn C được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn I, vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng, chủ sở hữu: Nguyễn C. Vào ngày 24 tháng 02 năm 2022 Ông Nguyễn C đại diện cho Công ty I ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V hợp đồng cho vay hạn mức số H09/22065 với nội dung cụ thể như sau: hạn mức vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Đồng thời, ông C ký hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL01 và vợ ông C là Bà Hồng Mỹ H2 cũng ký thêm hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL02 do đây là khoản vay không có thế chấp tài sản nên chủ sở hữu phải ký bảo lãnh.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, ông C chuyển nhượng toàn bộ Công ty I cho Ông Huỳnh Tự L. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng đã cập nhật thông tin Ông Huỳnh Tự L là chủ sở hữu công ty từ ngày 29 tháng 12 năm 2022. Cùng ngày 29 tháng 12 năm 2022, ông C đã nhận bàn giao công ty cùng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn I - trong đó có khoản vay 1.500.000.000 đồng của nguyên đơn theo hợp đồng cho vay hạn mức số H09/22065 cho Ông Huỳnh Tự L là chủ sở hữu mới của Công ty I. Trong biên bản bàn giao công ty có ghi rõ nội dung "Bên B là Ông Huỳnh Tự L hoàn toàn chịu trách nhiệm trả các khoản nợ nêu trên".

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 ông L ký Hợp đồng bảo lãnh cho Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022. Do Ông Huỳnh Tự L - chủ sở hữu mới của Công ty đã ký bảo lãnh cho khoản vay trên nên ông C có yêu cầu nguyên đơn giao trả hợp đồng bảo lãnh của Ông Nguyễn C và Bà Hồng Mỹ H2 ký ngày 24 tháng 02 năm 2022 nhưng chưa được đáp ứng. Do đó, ông C và bà H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Ông Nguyễn C và Bà Hồng Mỹ H2 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty I trong trường hợp công ty không thanh toán hay thanh toán không đủ khoản tiền còn nợ nguyên đơn.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Huỳnh Tự L trình bày:***

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2022, Ông Huỳnh Tự L nhận chuyển nhượng toàn bộ Công ty I và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng đã cập nhật thông tin ông L là chủ sở hữu. Cùng ngày 29 tháng 12 năm 2022, ông nhận bàn giao công ty cùng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Công ty I - trong đó có khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần V với hạn mức là 1.500.000.000 đồng, trong đó đã giải ngân 1.400.000.000 đồng.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, ông ký hợp đồng bảo lãnh cho hợp đồng cho vay hạn mức số H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022. Ngày 15 tháng 5 năm 2023 ông ký Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ gia hạn hợp đồng số H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022. Do ông đã ký bảo lãnh cho khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh số HDBL - 01 ngày 10 tháng 5 năm 2022 nên Ông Nguyễn C và Bà Hồng Mỹ H2 không có trách nhiệm bảo lãnh cho khoản vay này.

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2023, ông đến trụ sở nguyên đơn làm việc về việc thanh toán nợ gốc và lãi; đồng thời khẳng định với ngân hàng khoản vay có dư nợ gốc 1.400.000.000 đồng và lãi phát sinh hoàn toàn do Công ty I và cá nhân ông L nhận trách nhiệm thanh toán. Ông Nguyễn C và Bà Hồng Mỹ H2

không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến các khoản vay, nợ cũng như lợi nhuận của Công ty I. Đồng thời, ông không yêu cầu ông C và bà Hiền bảo lãnh cho khoản vay nói trên.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2025/KDTM-ST ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn I phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ tính đến ngày 11 tháng 11 năm 2025 của hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022 tổng cộng là 2.404.919.526 đồng, bao gồm: nợ gốc 1.399.989.167 đồng, nợ lãi trong hạn: 27.218.985 đồng, nợ lãi quá hạn: 971.797.771 đồng, nợ lãi chậm trả: 5.913.603 đồng.

Kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2025, Công ty Trách nhiệm hữu hạn I tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022 đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn I không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Ông Nguyễn C, Bà Hồng Mỹ H2, Ông Huỳnh Tự L phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn I theo Hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL01 ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Ông Nguyễn C; Hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL02 ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Bà Hồng Mỹ H2; Hợp đồng bảo lãnh số HDBL -01 ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Ông Huỳnh Tự L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 06/5/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:*

Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mức lãi suất mà nguyên đơn áp dụng khi tính lãi chậm trả làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông C nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Ông Nguyễn C và Bà Hồng Mỹ H2 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty TNHH I trong trường hợp Công ty I không thanh toán hay thanh toán không đủ cho nguyên đơn.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người kháng cáo Ông Nguyễn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày yêu cầu kháng cáo như sau: ông C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

+ Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mức lãi suất cho vay cho từng kế ước nhận nợ, chưa làm rõ biên độ lãi suất và lãi phạt chậm trả mà nguyên đơn áp

dụng khi tính lãi chậm trả là bao nhiêu và mức lãi suất mà nguyên đơn áp dụng là cao hơn mức lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật.

+ Ông C đã bàn giao công ty cùng toàn bộ quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Công ty I trong đó có khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/22065 cho Ông Huỳnh Tự L là chủ sở hữu mới của Công ty I.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Ông Nguyễn C và Bà Hồng Mỹ H2 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty I trong trường hợp Công ty I không thanh toán hay thanh toán không đủ khoản tiền còn nợ nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V là phường Ông Lữ Trọng T trình bày: không đồng ý toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn C và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Công ty TNHH I vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với kháng cáo của Ông Nguyễn C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Bà Hồng Mỹ H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với kháng cáo của Ông Nguyễn C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Tự L vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với kháng cáo của Ông Nguyễn C.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn C còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét việc vắng mặt của người kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Nguyễn C.

[3] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[3.1] Xét kháng cáo của Ông Nguyễn C cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mức lãi suất cho vay cho từng kế ước nhận nợ, chưa làm rõ biên độ

lãi suất và lãi phạt chậm trả mà nguyên đơn áp dụng khi tính lãi chậm trả là bao nhiêu và mức lãi suất mà nguyên đơn áp dụng là cao hơn mức lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/22065 ngày 24/02/2022 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 15/5/2023 được ký kết giữa Ngân hàng V với Công ty I được giao kết trên sự tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng phát sinh hiệu lực.

Căn cứ mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức và khoản 5 Điều 1 của các Khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay sẽ cố định trong 1 tháng và điều chỉnh định kỳ 1 tháng một lần, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 5 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14,20%/năm; căn cứ mục 2.3 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; căn cứ mục 2.4 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Phía ngân hàng đã cung cấp các bảng tổng hợp dư nợ của Công ty I thể hiện việc tính lãi suất vay đã thực hiện đúng theo thỏa thuận của các bên tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay hạn mức và đúng theo qui định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ chứng cứ vụ án do nguyên đơn cung cấp xác định nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và tiền lãi của bị đơn là phù hợp quy định của hợp đồng giữa các bên và pháp luật. Kháng cáo của ông C là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Ông C kháng cáo cho rằng ông đã bàn giao công ty cùng toàn bộ quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Công ty I trong đó có khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/22065 cho Ông Huỳnh Tự L là chủ sở hữu mới của Công ty I nên không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty TNHH IC Minh Hy.

Xét thấy, các Hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL01 ngày 24/02/2022, số H09/22065/HDBL02 ngày 24/02/2022, HDBL-01 ngày 10/5/2023 có nội dung ông C, bà Hiền, ông L cam kết bảo lãnh toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Công ty I với Ngân hàng V của hợp đồng cho vay hạn mức số H09/22065 ngày 24/02/2022, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ, các văn bản liên quan của hợp đồng cho vay hạn mức và các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng bảo lãnh. Việc ký kết các hợp đồng bảo lãnh của ông C, bà Hiền và ông L với Ngân hàng V là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng bảo lãnh quy định: “Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi bên được bảo lãnh thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với bên ngân

hàng theo các văn kiện tín dụng hoặc bên bảo lãnh đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo Hợp đồng này đối với bên Ngân hàng. Mọi thay đổi đối với các nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được các bên thỏa thuận bằng văn bản...” nhưng ngoài lời trình bày thì ông C không có tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện việc ông C và bà H2 đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng V. Do đó, Bản án sơ thẩm đã quyết định trường hợp Công ty I không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền buộc Ông Nguyễn C, Bà Hồng Mỹ H2, Ông Huỳnh Tự L liên đới thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ của Công ty I cho Ngân hàng V là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của ông C là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với các nhận định nêu trên nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn I phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ tính đến ngày 11 tháng 11 năm 2025 của hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022 tổng cộng là 2.404.919.526 đồng, bao gồm: nợ gốc 1.399.989.167 đồng, nợ lãi trong hạn: 27.218.985 đồng, nợ lãi quá hạn: 971.797.771 đồng, nợ lãi chậm trả: 5.913.603 đồng.

Kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2025, Công ty Trách nhiệm hữu hạn I tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/22065 ngày 24 tháng 02 năm 2022 đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn I không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Ông Nguyễn C, Bà Hồng Mỹ H2, Ông Huỳnh Tự L phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ

số tiền còn nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn I theo Hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL01 ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Ông Nguyễn C; Hợp đồng bảo lãnh số H09/22065/HDBL02 ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Bà Hồng Mỹ H2; Hợp đồng bảo lãnh số HDBL -01 ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Ông Huỳnh Tự L.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## **2. Về án phí:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 80.098.391 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.686.488 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046263 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Nguyễn C phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046072 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn C đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo quy định.

## **3. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.**

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## **5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Bích Thảo**

**Trương Thị Quỳnh Trâm**

**Đào Quốc Thịnh**